

Số: 196 /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 01 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt Đề án nhiệm vụ và giải pháp đưa các xã, thôn  
ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135  
giai đoạn 2017 – 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/03/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ Quy định cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khoá XIII, kỳ họp thứ 4 về việc bố trí nguồn lực đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 05/TTr-BDT ngày 06/01/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án nhiệm vụ và giải pháp đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn (ĐBKK), hoàn thành mục tiêu chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (có Đề án kèm theo) với các nội dung sau:

**1. Đối tượng và phạm vi thực hiện Đề án:**

1.1. Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân và cộng đồng trên địa bàn các xã, thôn ĐBKK và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

1.2. Phạm vi thực hiện: Đề án được thực hiện trên địa bàn các xã khu vực III và thôn ĐBK (ngoài các xã khu vực III) của tỉnh thuộc 07 huyện: Bình Liêu, Tiên Yên, Ba Chẽ, Đầm Hà, Hải Hà, Hoành Bồ, Vân Đồn.

## **2. Mục tiêu của Đề án:**

2.1. Mục tiêu chung: Đến hết năm 2020, đưa 22 xã và 11 thôn ĐBK thuộc xã khu vực I, II trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ra khỏi diện ĐBK, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể:**

a) Cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, đến hết năm 2020 thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo ở 22 xã và 11 thôn ĐBK tăng gấp 2 lần so với cuối năm 2015.

b) Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư theo tiêu chí nông thôn mới.

c) Các công trình thủy lợi nhỏ được đầu tư đáp ứng 75% - 80% nhu cầu tưới tiêu cho diện tích cây trồng hàng năm.

d) Có 90% thôn có đường trục giao thông được cứng hóa đảm bảo tiêu chuẩn và cấp kỹ thuật theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

đ) Có 90% hộ gia đình trở lên được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

e) 100% xã duy trì đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

g) 100% xã có trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung tâm học tập cộng đồng đáp ứng đủ nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân; 80% số xã có cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn.

h) Có 90% hộ dân trở lên được tiếp cận, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; kinh nghiệm sản xuất.

### **2.3. Lộ trình:**

a) Đến hết năm 2018: Có 03 xã (Thanh Lâm huyện Ba Chẽ, Lục Hồn huyện Bình Liêu, Quảng Lợi huyện Đầm Hà) và 11 thôn ĐBK thuộc xã khu vực I, II (thôn Đồng Động xã Bình Dân, thôn Đài Làng xã Vạn Yên, thôn Đài Van xã Đài Xuyên huyện Vân Đồn; thôn Khe Mạ xã Phong Dụ, thôn Khe Vàng xã Điền Xá huyện Tiên Yên; thôn Ngàn Cậm, thôn Bắc Cương, thôn Ngàn Kheo, thôn Cao Sơn xã Hoành Mô huyện Bình Liêu; thôn 3 xã Quảng Thịnh, Thôn 7 xã Quảng Phong huyện Hải Hà) ra khỏi diện ĐBK, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135;

b) Đến hết năm 2019: Có thêm 13 xã khu vực III (Đồng Lâm, Đồng Sơn, Kỳ Thượng huyện Hoành Bồ; Đại Dực, Đại Thành, Hà Lâu huyện Tiên Yên; Đạp Thanh, Thanh Sơn, Nam Sơn huyện Ba Chẽ; Đồng Văn huyện Bình Liêu; Quảng An, Quảng Lâm huyện Đầm Hà; Quảng Đức huyện Hải Hà) ra khỏi diện ĐBK, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135;

c) Đến hết năm 2020: Có thêm 06 xã khu vực III (Đồn Đạc huyện Ba Chẽ; Đồng Tâm, Tình Húc, Vô Ngại, Húc Động huyện Bình Liêu; Quảng Sơn huyện Hải Hà) ra khỏi diện ĐBK, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135.

## **3. Nội dung đầu tư, hỗ trợ của Đề án:**

- Đầu tư, hỗ trợ xây dựng 15 công trình cầu trần; 32,4 km đường trục xã, liên xã; 187,18 km đường trục thôn, liên thôn; 69,61 km đường ngõ xóm; 54,33 km đường ra khu sản xuất tập trung;

- Đầu tư, hỗ trợ xây dựng, nâng cấp 86 công trình đập thủy lợi và 167,72 km kênh, mương, đường ống cấp nước tưới;

- Hỗ trợ 605 hộ gia đình được sử dụng điện;

- Nâng cấp, cải tạo 25 công trình trường học;

- Sửa chữa, nâng cấp 3 trạm y tế xã;

- Đầu tư, hỗ trợ xây dựng 62 nhà văn hóa thôn, bản;

- Đầu tư, hỗ trợ xây dựng 53 công trình nước sinh hoạt tập trung phục vụ khoảng 3.057 hộ;

- Hỗ trợ xây nhà ở cho 864 hộ nghèo;

- Hỗ trợ 27 lớp dạy nghề và chuyển đổi ngành nghề;

- Hỗ trợ phát triển sản xuất cho khoảng 15.152 lượt hộ nghèo và cận nghèo;

- Tập huấn nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn.

#### **4. Kinh phí thực hiện:**

4.1. Tổng kinh phí: 1.342,439 tỷ đồng,

4.2. Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách Trung ương: 67,422 tỷ đồng;

- Ngân sách tỉnh: 968,475 tỷ đồng;

- Ngân sách huyện, xã: 93,024 tỷ đồng;

- Vốn tín dụng: 42,875 tỷ đồng;

- Vốn doanh nghiệp đầu tư: 40,650 tỷ đồng;

- Vốn xã hội hóa: 106,256 tỷ đồng;

- Vốn lồng ghép khác: 23,737 tỷ đồng.

4.3. Phân kỳ đầu tư, hỗ trợ:

a) Năm 2017 tổng vốn đầu tư, hỗ trợ: 452,938 tỷ đồng,

trong đó:

- Vốn Ngân sách tỉnh: Tổng kinh phí theo nhu cầu 326,641 tỷ đồng  
(Đã bố trí vốn Kế hoạch năm 2017 theo Quyết định số 4318/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 là 200,0 tỷ đồng)

- Vốn huy động, xã hội hóa: 49,614 tỷ đồng

- Vốn lồng ghép khác: 76,683 tỷ đồng

b) Năm 2018 tổng vốn đầu tư, hỗ trợ: 403,141 tỷ đồng,

trong đó:

- Vốn Ngân sách tỉnh: 290,715 tỷ đồng

- Vốn huy động, xã hội hóa: 44,165 tỷ đồng

- Vốn lồng ghép khác:	68,261 tỷ đồng
c) Năm 2019 tổng vốn đầu tư, hỗ trợ:	339,739 tỷ đồng,
trong đó:	
- Vốn Ngân sách tỉnh:	245,159 tỷ đồng
- Vốn huy động, xã hội hóa:	37,154 tỷ đồng
- Vốn lồng ghép khác:	57,426 tỷ đồng
d) Năm 2020 tổng vốn đầu tư, hỗ trợ:	146,621 tỷ đồng,
trong đó:	
- Vốn Ngân sách tỉnh:	105,960 tỷ đồng
- Vốn huy động, xã hội hóa:	15,973 tỷ đồng
- Vốn lồng ghép khác:	24,688 tỷ đồng

**5. Thời gian thực hiện:** 4 năm, từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 31/12/2020.

## **6. Nhiệm vụ, giải pháp**

6.1. Đưa các xã, thôn ra khỏi diện ĐBKK, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, trong đó người đứng đầu phải chịu trách nhiệm trước cấp trên; thực hiện phân công cụ thể trong tổ chức triển khai thực hiện Đề án. Với quan điểm cấp huyện trực tiếp chỉ đạo, cấp xã trực tiếp thực hiện, thôn bản đoàn kết, đồng lòng, người dân tích cực sản xuất và chủ động thoát nghèo. Lấy phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân là trung tâm; hỗ trợ đầu tư hạ tầng thiết yếu là cần thiết. Các nội dung đầu tư, hỗ trợ phải lấy ý kiến và được sự thống nhất của người dân theo đúng quy định.

6.2. Tuyên truyền, vận động tạo sự chuyển biến về tư tưởng, nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức từ xã, thôn đến người dân không bằng lòng với thực tại hiện có; trước hết là sự chuyển dịch nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức xã, cán bộ thôn đến người dân, để có sự đồng thuận, quyết tâm đưa xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn theo lộ trình đề ra. Chống tư tưởng cục bộ, trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và bên ngoài.

Đầu tư hỗ trợ và phát huy hiệu quả hoạt động của các cụm loa truyền thanh thôn, bản và xã. Xây dựng đề án hỗ trợ việc thu sóng để người dân vùng ĐBKK được xem các kênh truyền hình quốc gia và phát thanh truyền hình Quảng Ninh.

6.3. Thực hiện chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ lý luận chính trị. Coi trọng việc nâng cao năng lực thực tiễn và thực thi công vụ, rèn luyện thái độ tác phong của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

Luân chuyển, biệt phái công chức có năng lực của các phòng, ban chuyên môn cấp huyện và các sở, ngành của tỉnh đến làm việc ở cấp xã và ngược lại;

Thực hiện biện pháp bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ các xã, thôn. Quan tâm việc bồi dưỡng, tham quan học tập thực tiễn trong và ngoài tỉnh để áp dụng tại địa phương.

6.4. Hoàn thành các tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể về đời sống, thu nhập; văn hóa - xã hội và hạ tầng kinh tế - xã hội để các xã ra khỏi diện ĐBKK, hoàn thành Chương trình 135. Các xã thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trên cơ sở xã xây dựng đề án, Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt. Khuyến khích việc hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ nghèo và cận nghèo thông qua nhóm hộ, trong đó có không quá 20% hộ không thuộc hộ nghèo và cận nghèo, tạo nền tảng cho việc hình thành hợp tác xã, tổ hợp tác.

6.5. Phân tích, xác định rõ nguyên nhân nghèo, sự thiếu hụt các chỉ số đo lường (chiều nghèo) của từng hộ, để có giải pháp trợ giúp cho phù hợp; phương châm hộ nghèo phải chuyển dịch được nhận thức để chủ động thực hiện thoát nghèo, cộng đồng giúp đỡ, Nhà nước chỉ hỗ trợ. Hạn chế thấp nhất hình thức hỗ trợ trực tiếp bằng tiền đối với người dân, thực hiện biểu dương, khen thưởng hộ thoát nghèo, các xã, thôn ra khỏi diện ĐBKK, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135.

Thực hiện tốt công tác đào tạo nghề, giới thiệu và giải quyết việc làm, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho người lao động tại các xã, thôn ĐBKK. Các địa phương thực hiện tốt việc tuyên truyền vận động lao động trẻ, có trình độ học vấn, nghiệp vụ phù hợp theo yêu cầu của doanh nghiệp sử dụng lao động; tư vấn, động viên vào lao động tại các doanh nghiệp, nhất là các khu công nghiệp trong tỉnh. Phối hợp với các doanh nghiệp xây dựng cơ chế, biện pháp hỗ trợ đi lại của công nhân ở vùng dân tộc và miền núi, từ các địa bàn vệ tinh quanh các khu công nghiệp.

Các sở ngành liên quan tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ các địa phương triển khai nhanh việc tiếp nhận, bàn giao đất và rừng từ Đoàn kinh tế Quốc phòng 327, các Công ty lâm nghiệp; thu hồi đất từ các doanh nghiệp được giao đất nhưng làm ăn kém hiệu quả, lãng phí đất... để có thêm quỹ đất, rừng giao cho người dân, trước hết ưu tiên hỗ trợ cho đối tượng thiếu đất ở, đất sản xuất theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 và Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, hướng dẫn người dân xây dựng phương án cụ thể, sử dụng có hiệu quả, đúng quy định diện tích đất, rừng được giao. Đẩy mạnh việc giao cộng đồng dân cư ở thôn, bản nhận khoán khoanh nuôi bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn.

6.6. Đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng thiết yếu: Giao thông, thủy lợi, hệ thống điện, trường học, trạm y tế, nước sinh hoạt và công trình hạ tầng khác phù hợp quy hoạch nông thôn mới.

Thực hiện cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ. Thực hiện phân cấp, trao quyền cho cấp xã; tăng cường sự tham gia của người dân trong quá trình xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án. Khuyến khích hoạt động tạo việc làm cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân trên địa bàn thông qua một số dự án xây dựng kết cấu hạ tầng, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Vận động người dân đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng bằng việc hiến đất, tự giải phóng mặt bằng, đóng góp công lao động, vật liệu, máy móc thiết bị...

Các huyện cần có chỉ đạo thống nhất, cùng điều kiện cơ bản như nhau, những công trình nào, ở thôn nào đảm bảo điều kiện đầu tư, hỗ trợ, người dân có sự đồng

thuận tham gia đảm nhận công trình cao hơn, tự hiến đất và giải quyết tốt về mặt bằng... sẽ ưu tiên bố trí vốn hỗ trợ trước.

6.7. Các địa phương chủ động tạo quỹ đất và mặt bằng để thu hút đầu tư vào các xã ĐBKK. Tinh xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ riêng đối với từng dự án cụ thể khi các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư vào xã, thôn ĐBKK.

6.8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội vào cuộc ngay từ khâu đầu tiên để tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện và giám sát cộng đồng trong thực hiện các chính sách hỗ trợ và đầu tư. Thông qua các tổ, hội ở thôn, xã và hệ thống tổ chức của mình có biện pháp tác động, phân công giúp đỡ thành viên của tổ chức mình tích cực vươn lên thoát nghèo. Kêu gọi các tổ chức, cá nhân, cộng đồng doanh nghiệp tiếp tục ủng hộ các xã, thôn ĐBKK.

6.9. Bố trí đủ ngân sách, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135, trong đó ngân sách Nhà nước là chủ yếu. Nguồn vốn ngân sách tỉnh được bố trí thông qua dự án II Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 -2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016, Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

## **7. Tổ chức thực hiện**

Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã cụ thể hóa và chủ động triển khai, thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được giao; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp).

7.1. Đối với cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh giao

a) *Ban Dân tộc tỉnh*: Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan có nhiệm vụ:

- Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn toàn tỉnh;

- Tổng hợp, xây dựng kế hoạch chung thực hiện Đề án từng năm trong giai đoạn 2017 - 2020;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thường trực Tỉnh ủy phân công các đồng chí Thường vụ phụ trách địa phương (có xã ĐBKK) và Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân công các đồng chí lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách các huyện (có xã ĐBKK) và phân công các Sở là thành viên UBND tỉnh theo dõi các địa phương cụ thể.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu phân bổ nguồn ngân sách cho các địa phương để thực hiện Đề án. Phối hợp với các Sở, ngành, đoàn thể liên quan tham mưu huy động các nguồn lực đầu tư, hỗ trợ theo nội dung Đề án;

- Hướng dẫn các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chế độ thông tin, báo cáo. Định kỳ hàng quý báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện Đề án với Ủy ban nhân dân tỉnh, sơ kết vào năm 2018, tổng kết vào năm 2020.

b) *Sở Kế hoạch và Đầu tư*: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ban Dân tộc tham mưu, cân đối bố trí vốn đầu tư để thực hiện Đề án và các Chương trình, Đề

án khác có nội dung liên quan với Đề án này. Tiếp nhận, tham mưu phân bổ các nguồn lực từ Trung ương; hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện lồng ghép các nguồn vốn có chung mục tiêu để thực hiện Đề án.

*c) Sở Tài chính:*

Chủ trì, phối hợp với sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc tham mưu cân đối, bố trí vốn sự nghiệp để thực hiện các nội dung của Đề án. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc cấp phát, sử dụng nguồn vốn; hướng dẫn về quy trình thủ tục thanh quyết toán nguồn vốn theo quy định.

*d) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:* Tham mưu thực hiện các nội dung quy định tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ và các giải pháp thực hiện chỉ tiêu về giảm tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo và chỉ tiêu về lao động việc làm theo các tiêu chí quy định và tiêu chí hoàn thành Chương trình 135.

*đ) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:* Tham mưu các giải pháp thực hiện chỉ tiêu về nâng mức thu nhập cho người dân; tham mưu chỉ đạo thực hiện Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc Dự án 2 Chương trình 135 theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Tham mưu chỉ đạo thực hiện chỉ tiêu về hệ thống thủy lợi và chỉ tiêu nước sinh hoạt theo tiêu chí xã ra khỏi diện ĐBKK, hoàn thành Chương trình 135. Riêng đối với nội dung triển khai đầu tư 54,33 km đường ra khu sản xuất tập trung và 167,72 km kênh, mương, ống cấp nước giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì kiểm tra thực tế ngay trong 6 tháng đầu năm 2017 để tham mưu hình thức, cách thức đầu tư cho hiệu quả, tránh lãng phí.

*e) Sở Nội vụ:* Tham mưu các giải pháp thực hiện việc chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ở tất cả các trình độ: Chuyên môn, nghiệp vụ; lý luận chính trị; quản lý nhà nước và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản. Coi trọng việc nâng cao năng lực thực tiễn và thực thi công vụ, rèn luyện thái độ tác phong đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Hướng dẫn các huyện thực hiện việc luân chuyển, biệt phái cán bộ công chức ở huyện đến làm việc tại xã ĐBKK. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu thực hiện việc luân chuyển, biệt phái công chức từ các sở, ngành của tỉnh đến làm việc tại các xã ĐBKK.

*g) Sở Thông tin và Truyền thông:* Tham mưu xây dựng Đề án thực hiện việc giảm nghèo về thông tin thuộc Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Đề án hỗ trợ việc thu sóng để người dân vùng ĐBKK, vùng dân tộc và miền núi được xem các kênh truyền hình quốc gia và truyền hình Quảng Ninh.

*h) Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh:* Căn cứ Đề án được phê duyệt xây dựng kế hoạch kinh phí cho vay, hướng dẫn quy trình, thủ tục và thực hiện cho vay vốn theo quy định.

*i) Các sở, ban, ngành khác có liên quan:* Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, phối hợp thực hiện Đề án; các ngành và cơ quan truyền thông đẩy mạnh việc tuyên truyền những nội dung, việc làm cụ thể ở xã, thôn thực hiện Đề án.

## 7.2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện

### a) Ủy ban nhân dân các huyện có xã, thôn ĐBKK

- Chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đưa các xã, thôn trên địa bàn ra khỏi diện ĐBKK, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135;

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án này; phê duyệt Đề án đưa xã, thôn ra khỏi diện ĐBKK, hoàn thành Chương trình 135 của các xã thuộc huyện; theo đó phải cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp phải phù hợp với đặc điểm, tính chất, đặc thù của từng thôn, bản, xã đặc biệt khó khăn để xây dựng nội dung, lộ trình, tiến độ đưa các xã, thôn ĐBKK hoàn thành mục tiêu Chương trình 135;

- Các huyện có xã, thôn ĐBKK bổ sung nhiệm vụ cho Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình Giảm nghèo bền vững thực hiện nhiệm vụ đưa các xã, thôn ra khỏi diện ĐBKK, hoàn thành mục tiêu chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020;

- Chỉ đạo phân công các phòng, ban, ngành chức năng của huyện giúp xã, thôn ĐBKK; chủ động cử cán bộ trực tiếp tham gia ban quản lý các chương trình, đề án tại các thôn, xã ĐBKK. Các huyện có thể thành lập tổ công tác bao gồm cán bộ chuyên môn thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn, trực tiếp hỗ trợ các xã trong thực hiện Chương trình 135;

- Thực hiện việc luân chuyển, biệt phái cán bộ, công chức, viên chức có năng lực của các phòng, ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp ở cấp huyện đến làm việc tại xã ĐBKK và ngược lại.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị tại địa phương trong thực hiện nhiệm vụ đưa các xã, thôn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135;

- Chỉ đạo các xã phân tích, xác định rõ nguyên nhân nghèo của từng hộ, từ đó xây dựng giải pháp tác động, phương án cụ thể để hỗ trợ từng hộ thoát nghèo bền vững cho phù hợp;

- Chủ động thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án, nguồn vốn; đề xuất phân bổ nguồn lực tập trung cho việc thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xã ra khỏi diện ĐBKK và hoàn thành Chương trình 135;

- Phối hợp với các sở, ngành, cơ quan chức năng của tỉnh để thu hút đầu tư vào các xã ĐBKK; thực hiện tốt việc huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư, hỗ trợ các xã thôn ĐBKK. Chỉ đạo sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư, hỗ trợ các xã ĐBKK trên địa bàn, không để xảy ra thất thoát, lãng phí;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ, giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh ở cấp xã. Định kỳ sơ, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện Đề án theo chỉ đạo của cấp trên.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố không có xã, thôn ĐBKK: Tích cực huy động nguồn lực hỗ trợ các xã, thôn ĐBKK.

## 7.3. Ủy ban nhân dân các xã ĐBKK, các xã có thôn ĐBKK

- Trực tiếp triển khai thực hiện nhiệm vụ đưa xã, thôn ra khỏi diện ĐBKK, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135; xây dựng Đề án đưa xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, hoàn thành Chương trình 135 (gắn với Đề án phát triển sản xuất giai đoạn 2017 - 2020) trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt để tổ chức thực hiện;



- Chủ động trong công tác tuyên truyền vận động người dân đoàn kết, đồng lòng, hăng hái lao động sản xuất, tích cực đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng bằng việc hiến đất, tự giải phóng mặt bằng, đóng góp công lao động, vật liệu, máy móc thiết bị... để thực hiện các mục tiêu của Đề án; chống tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và bên ngoài.

- Phân tích, xác định rõ nguyên nhân nghèo của từng hộ trên địa bàn để xây dựng phương án chi tiết với từng hộ và đề xuất biện pháp trợ giúp thoát nghèo bền vững cho phù hợp;

- Chủ động đề xuất, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của cấp trên. Sử dụng công khai, minh bạch, đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn lực đầu tư, hỗ trợ, không để xảy ra thất thoát, lãng phí. Đồng thời chủ động huy động lòng ghép các nguồn lực tại chỗ, từ nhân dân để thực hiện các mục tiêu của Đề án;

- Thực hiện tốt đề án phát triển sản xuất, phương án giao đất, giao rừng và công tác đào tạo nghề, giới thiệu và giải quyết việc làm, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống của người dân;

- Từng xã, thôn ĐBKK cần huy động lực lượng từ các tổ chức, đoàn thể tham gia thực hiện Đề án trên địa bàn;

- Thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện, giám sát, chủ động phát hiện và kịp thời giải quyết, đề xuất giải pháp giải quyết những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện tại địa phương. Thực hiện sơ, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện Đề án theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các yêu cầu và nhiệm vụ cần điều chỉnh các địa phương, đơn vị kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp); giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì phối hợp các sở, ban, ngành liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

**Nơi nhận:**

- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Ủy ban Dân tộc (B/c);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- UB MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh (P/h);
- Công TT điện tử VP UB;
- V0-V5, các chuyên viên TH VP UB;
- Lưu: VT, NLN3 (25b, QĐ 02).

**T/M ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Long**